| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN MINH**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2022
Về việc ly hôn và chia tài sản chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Ngô Trường Hận.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Lưu Văn Bình.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc *"Ly hôn và chia tài sản chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2022, giữa các đương sự:

*1- Nguyên đơn:* Anh K, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp N, xã K, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

*2- Bị đơn:* Chị A, sinh năm 2001; hộ khẩu thường trú: ấp N, xã K, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

*3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà M, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Anh K và chị A cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Anh chị sống chung với cha mẹ ruột của anh K được khoảng một năm thì cất nhà ở riêng. Vợ chồng sống riêng hơn một năm thì xảy ra

mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là lúc tay anh K bị đứt, thấy phân gà dơ nên lấy chổi quét thì mẹ ruột của anh K thấy nên có la chị A. Lời qua tiếng lại thì ngày hôm sau 12/12/2020 chị A đi về nhà cha mẹ ruột ở. Sau đó gia đình bên anh K có qua nói chuyện nhưng bên A đuổi về. Anh K có qua nhiều lần nhưng bên vợ kêu về làm đơn ly hôn đi đem qua A ký. Nay nếu vợ không về thì muốn giải quyết ly hôn để hai bên khỏi ràng buộc nhau nữa. Anh chị chưa có con chung. Vợ chồng có 12 chỉ vàng 24 kara; trong đó 10 chỉ vàng 24 kara cha mẹ anh K cho trong ngày cưới, sau đó vợ chồng làm ăn mua thêm 02 chỉ vàng 24 kara. Có 17 chỉ vàng 18 kara, trong đó 06 chỉ vàng 18 kara cho trong ngày cưới, phần 11 chỉ vàng 18 kara là bên vợ cho. Tại đơn khởi kiện anh K yêu cầu chia đôi số tài sản trên.

*Tại phiên tòa,* anh K rút một phần yêu cầu, không yêu cầu chia vàng 18 kara nữa. Nếu chị A nói giữ 07 chỉ vàng 24 kara và đồng ý giao lại 05 chỉ thì anh K đồng ý nhận 05 chỉ, không yêu cầu gì thêm.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:*

Về kết hôn và mâu thuẫn đúng như lời anh K trình bày. Lý do mâu thuẫn là lúc tay anh K bị đứt, nhưng má chồng thấy anh K quét hàng ba, hôm sau gặp thì má chồng chửi đàn bà làm biếng và đủ điều khác, chửi và xúc phạm luôn cha mẹ chị A. Qua ngày sau, chị có hỏi anh K về cha mẹ ruột chơi, hỏi hai ba lần anh K nói "không". Lúc anh K đi đăng tiền cho Ngân hàng thì chị A đi về nhà cha mẹ ruột chơi và ở luôn đến nay. Anh K không quan tâm vợ, mặc dù ở riêng nhưng cái gì cũng nghe theo lời mẹ, bàn với mẹ chứ không bàn với vợ. Vợ chồng có 12 chỉ vàng 24 kara và 01 chỉ vàng 18 kara. Chị A chỉ giữ 07 chỉ vàng 24 kara và 01 chỉ vàng 18 kara; còn 05 chỉ vàng 24 kara trước đây có giữ nhưng anh K lấy 05 chỉ này cho anh H vay. Nay H nói không có vay thì chị A không có biên nhận gì để khởi kiện và xác định là không khởi kiện anh H. Chị chỉ giữ 07 chỉ vàng 24 kara, thống nhất giao cho anh K 05 chỉ, chị nhận 02 chỉ.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M vắng mặt phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 29/4/2022 bà M trình bày:* Anh K có hứa trả tiền nên không khởi kiện trong vụ án.

*- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét

xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn của anh K và chị A. Công nhận sự thỏa thuận chia 07 chỉ vàng 24 kara, chị A nhận 02 chỉ, anh K nhận 05 chỉ, vàng hiện tại chị A đang giữ nên có nghĩa vụ giao lại cho anh K. Anh K rút một phần yêu cầu đối với số vàng 18 kara và 01 chỉ vàng 24 kara nên đề nghị đình chỉ phần đã rút.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh K và chị A yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh K yêu cầu được ly hôn và yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn và chia tài sản chung"*.

Anh K khai có nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của bà M nên Tòa án đã đưa bà M vào tham gia tố tụng. Bà M không có yêu cầu gì trong vụ kiện và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M.

[2] Năm 2019 anh K và chị A cưới nhau và đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Nay anh chị thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] Anh chị có tranh chấp tài sản chung, nhưng tại phiên tòa anh chị đã thỏa thuận được và thống nhất phân chia như sau: Anh K nhận 05 chỉ vàng 24 kara, chị A nhận 02 chỉ vàng 24 kara. Số vàng này chị A đang giữ nên có nghĩa vụ giao lại cho anh K 05 chỉ theo thỏa thuận.

Anh K rút một phần yêu cầu đối với 01 chỉ vàng 24 kara và toàn bộ vàng 18 kara nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phần yêu cầu đã rút.

Chị A không yêu cầu chia tài sản khác và bà M không yêu cầu gì trong vụ án này, không ai yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu đương sự có tranh chấp có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí chia tài sản trên giá trị số tài sản được nhận là 05 chỉ vàng x 5.500.000 đồng/chỉ x 5% = 1.375.000 đồng. Tổng án phí anh K phải chịu là 1.675.000 đồng. Chị A phải chịu án phí chia tài sản trên giá trị số tài sản được nhận là 02 chỉ vàng x 5.500.000 đồng/chỉ x 5% = 550.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1-** Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữ anh K và chị A.

**2.** Về tài sản chung: Anh K được nhận 05 (năm) chỉ vàng 24 kara; chị A được nhận 02 chỉ vàng 24 kara. Hiện tại chị A đang giữ số vàng chung nên có nghĩa vụ giao cho anh K 05 (năm) chỉ vàng 24 kara theo thỏa thuận (loại vàng 98% hoặc tương đương).

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu anh K đã rút.

**3-** Về án phí sơ thẩm: Anh K phải chịu tổng số tiền án phí là 1.675.000 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.509.000 đồng (Một triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006336 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Anh K còn phải nộp thêm là 166.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Chị A phải chịu án phí là 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

**4-** Anh K và chị A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà M vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Trường Hận**